

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v: Tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất, bồi thường thiệt
hại về tài sản và chia thừa kế
theo di chúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồng

2. Ông Hoàng Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên
Tòa:** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và chia thừa kế theo di chúc*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 26-10-2023 (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Biện Công N, Luật sư thuộc Văn phòng L5 – Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

- Các bị đơn:

1/ Bà Trần Thị K, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị K: Bà Lâm Thị Hằng N1, sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 22-5-2024 (có mặt).

2/ Ông Huỳnh Văn T (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm:

- Bà Trần Thị K, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ, cùng là bị đơn trong vụ án (có mặt).

- Chị Huỳnh Thị O, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

Có người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1980; địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo Văn bản ngày 26-9-2025 (có mặt).

- Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1995; nơi cư trú: ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1999; nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Chị Huỳnh Thị Bé L1, sinh năm 2002; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2/ Ông Lê Văn Đ1; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3/ Bà Lê Thị L2; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

4/ Bà Trần Thị Q; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

5/ Bà Trần Thị M1; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

6/ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

7/ Bà Huỳnh Ngọc N2; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

8/ Ông Huỳnh Văn V; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

9/ Bà Huỳnh Thị L3; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

10/ Ông Trần Văn M2, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

11/ Bà Trần Thị N3; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

12/ Ông Trần Văn V1; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

13/ Bà Trần Thị P1; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- 14/ Ông Trần Văn T3; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 15/ Bà Trần Thị T4; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 16/ Ông Trần Văn H; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 17/ Ông Lê Văn T5; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 18/ Bà Lê Thị M3; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 19/ Bà Lê Thị M4; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 20/ Ông Lê Vũ P2; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 21/ Bà Nguyễn Thanh T6; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 22/ Ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
 23/ Bà Trần Thị T7; địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Trần Văn M là bà Hồ Thị L trình bày:*

Ông Trần Văn M có 02 thửa đất gồm: Thửa đất 882, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.260m² có nguồn gốc do mẹ ruột là bà Lê Thị P3 (T8) cho năm 2008 và Thửa đất 605, Tờ bản đồ số 02, diện tích 2.400m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị H2 vào năm 1997, các thửa đất đều tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Khi ông M làm thủ tục để xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị K và phát hiện bà K, ông T đã tự ý nhổ bỏ 450 cây tràm 03 tháng tuổi và 09 cây dừa 07 tháng tuổi do ông M trồng để chiếm đất của ông M. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Ngoài ra, đối với phần yêu cầu phân tố chia thừa kế theo di chúc của bị đơn bà K thì ông M và bà L thống nhất công nhận di chúc của cụ Lê Thị P3 (T8) để lại cho bà Trần Thị K hưởng phần đất tại Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 2, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) sau khi trừ đi phần đất đã tặng cho ông M.

Do vậy, ông Trần Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị K phải trả lại cho Trần Văn M phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 936m², thuộc Thửa đất 882 và 396m², thuộc Thửa đất 605, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Đồng thời, bồi thường giá trị của 450 (Bốn trăm năm mươi) cây tràm ba tháng tuổi là 500.000 đồng và trị giá của 09 (Chín) cây dừa bảy tháng tuổi là 500.000 đồng, tổng giá trị phải bồi thường là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

** Tại đơn phản tố ngày 08-11-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị K trình bày:*

Cha, mẹ bà K là cụ Trần Văn S1 (đã chết không xác định ngày tháng năm) và cụ Lê Thị P3 (đã chết vào ngày 14/8/2020) có tất cả 08 người con gồm: 1. Bà Trần Thị H4 đã chết năm 2024, có chồng là ông Huỳnh Văn Đ2 cũng đã chết và 03 người con tên Huỳnh Ngọc N2, Huỳnh Văn V và Huỳnh Thị L3; 2. Ông Trần Văn H5 đã chết vào năm 1994, có vợ là bà Nguyễn Thị P và 07 người con tên Trần Văn M2, Trần Thị N3, Trần Văn V1, Trần Thị P1, Trần Văn T3, Trần Thị T4 và Trần Văn H; 3. Bà Trần Thị Á, đã chết năm 2016, có chồng là ông Lê Văn T5 và 03 người con tên Lê Thị M3, Lê Thị M4 và Lê Vũ P2; 4. Bà Trần Thị Q; 5. Bà Trần Thị M1; 6. Bà Trần Thị T2; 7. Ông Trần Văn M và 8. Bà Trần Thị K. Lúc sinh thời mẹ bà K là cụ Lê Thị P3 (T8) có tạo lập được khối tài sản gồm Thửa đất 578, diện tích 12.350m²; Thửa đất 579, diện tích 13.220m²; Thửa đất 577, diện tích 4.930m²; Thửa đất 606, diện tích 9.600m²; Thửa đất 529, diện tích 2.100m² và Thửa đất 532, diện tích 3.000m², các thửa đất cùng Tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 09/12/1992.

Vào năm 2008, cụ P3 (T8) có cho ông Trần Văn M phân đất nền tính từ mé đường mương nước trở ra, nhưng trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông M lại được cấp quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 2.260m², thuộc Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02 là lấn sang phần đất mương nước của bà K do cụ P3 để lại cho. Mặt khác, từ nhỏ đến khi bà K lập gia đình thì bà K là người sống chung và chăm sóc phụng dưỡng cụ Lê Thị P3, nên năm 2015 cụ P3 có lập di chúc để lại cho bà K và các con bà K các phần đất tại các Thửa đất 606; 577; 579; 578; 535, tổng diện tích là 42.940m². Hiện nay các phần đất này đã chia cho cháu Huỳnh Thị O, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị T1 và Huỳnh Thị Bé L1 mỗi người phần đất có diện tích 2.950m² (tương đương 2,5 công tầm cây). Phần còn lại với diện tích khoảng 31.140m² là do cụ P3 để lại cho bà K nên bà K đã làm thủ tục đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thửa đất 578, diện tích 12.350m²; Thửa đất 579, diện tích 13.220m² và Thửa đất 577, diện tích 3.284,3m², cùng Tờ bản đồ 02, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, còn một phần đất tại Thửa đất 577, có diện tích 1.645,7m² và phần đất tại Thửa đất 606, có diện tích khoảng 8.100m² bà K đang quản lý sử dụng ổn định nhưng chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vì đang có tranh chấp phần đất tại mương nước với ông M và bà L. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M thì bà K không đồng ý, đồng thời, có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Văn M và bà Hồ Thị L phải trả lại phần đất lấn chiếm ngang 17m, dài 45m, thuộc Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ).

- Công nhận di chúc của bà Lê Thị P3 (T8) lập ngày 29-5-2015 đối với phần diện tích 1.645,7m² thuộc Thửa đất 577 và 8.100m² thuộc Thửa đất 606 cùng tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P,

thành phố Cần Thơ) để công nhận các phần đất này cho bà Trần Thị K.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T là bà Huỳnh Thị Bé L1 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Trần Thị K.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị T2 và ông Trần Văn M2 trình bày: Không có yêu cầu độc lập, thống nhất theo yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bị đơn bà Trần Thị K. Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất tại Thửa đất 882 thì đề nghị nguyên đơn và bị đơn tự thỏa P3 nếu không được thì đề nghị tòa án xem xét theo pháp luật.*

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T7, bà Nguyễn Thanh T6 và ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Đối với các phần đất ông bà đang sử dụng không có tranh chấp với bà K nên các ông bà tự thỏa P3 không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.*

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1, bà Lê Thị L2, bà Trần Thị M1, bà Huỳnh Ngọc N2, ông Huỳnh V2, bà Huỳnh Thị L3, ông Trần Văn M2, bà Trần Thị N3, ông Trần Văn V1, bà Trần Thị P1, ông Trần Văn T3, bà Trần Thị T4, ông Trần Văn H, ông Lê Văn T5, bà Lê Thị M3, bà Lê Thị M4 và ông Lê Vũ P2: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không có nộp văn bản nêu ý kiến nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị L trình bày: Hiện nay ranh giữa hai Thửa đất 882 và 605 đã không còn ranh và quá trình thẩm định tại chỗ cơ quan đo đạc chuyên môn xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.038,1m² nằm trong phạm vi Thửa đất 882, đồng thời, bị đơn ông T đã chết nên nguyên đơn ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị K và các con bà K phải trả lại cho ông M và bà L phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.038,1m², thuộc Thửa đất 882, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Đồng thời, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với Thửa đất 605 và yêu cầu bồi thường giá trị của 450 cây tràm ba tháng tuổi là 500.000 đồng và trị giá 09 cây dừa bảy tháng tuổi là 500.000 đồng, tổng giá trị là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà K là bà Lâm Hằng N1 trình bày: Đối với nội dung khởi kiện của ông M thì bà K không đồng ý. Về yêu cầu phản tố, tại phiên tòa bị đơn bà K thay đổi một phần yêu cầu phản tố là yêu cầu xác định phần đất có diện tích 1.038,1m² là di sản của cụ Lê Thị P3 để lại tại Thửa đất 606 theo di chúc lập ngày 29-5-2015; Công nhận cho bà K được hưởng thừa kế đối với toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích 1.038,1m² và phần đất bà K đang quản lý sử dụng theo đo đạc thực tế có diện tích là 5.917,6m² tại Thửa đất 606 do cụ Lê Thị P3 để lại theo di chúc lập ngày 29-5-2015. Đồng thời, bị đơn bà K tự nguyện rút lại phần yêu cầu công nhận di chúc đối với phần đất có diện tích 1.645,7m² thuộc Thửa đất 577 và phần đất có diện tích 2.182,4m², thuộc một phần Thửa đất 606 hiện do bà Trần Thị T7, bà Nguyễn Thanh T6 và ông Nguyễn Văn H1 đang quản lý sử dụng do không có tranh chấp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T gồm bà Trần Thị K, chị Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị Bé L1 và Huỳnh Thị O (do ông Nguyễn Thanh S đại diện theo ủy quyền) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Lâm Thị Hằng N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 và ông Trần Văn M2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Lâm Thị Hằng N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông M trình bày: Theo trích lục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đối với Thửa đất 882, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) thể hiện tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cụ Lê Thị P3 đã tặng cho ông Trần Văn M phần đất có diện tích 2.260m² tại Thửa đất 606 có chứng thực của Ủy ban nhân dân vào ngày 01-6-2008, sau đó ông M đã thực hiện thủ tục kê khai đăng ký tách thửa và được cấp quyền sử dụng theo đúng trình tự thủ tục pháp luật. Kể từ khi ông M thực hiện thủ tục tách thửa và được cấp quyền sử dụng đất đến nay, bị đơn bà K và cụ P3 là người trực tiếp quản lý cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với Thửa đất 606 sau khi thực hiện thủ tục tách thửa đất 882 cũng không có ý kiến phản đối việc tặng cho đất nên việc tặng cho đất đã có hiệu lực và phù hợp pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn bà K cho rằng cụ P3 không có tặng cho ông M phần đất tranh chấp vì đất do bà trực tiếp quản lý sử dụng từ trước đến nay, nhưng thực tế ông M và bà L là đã sử dụng đất để trồng cây tràm và dừa và chính bà K đã thừa nhận do ông M trồng cây lấn qua đất nên nhổ bỏ. Do vậy, việc bị đơn bà K cho rằng cụ P3 không có tặng cho ông M phần đất 1.038,1m², đồng thời cho rằng ông M và bà L trồng cây lấn chiếm đất là không có cơ sở. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M buộc bà Trần Thị K và các con của bà K và ông T phải giao trả phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.038,1m² thuộc Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả tranh tụng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M đã rút tại phiên tòa đối với phần đất có diện tích 396m², thuộc Thửa đất 605, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà K đã

rút tại phiên tòa đối với phần đất có diện tích 1.645,7m², thuộc Thửa đất 577 và một phần đất có diện tích 2.182,4m² thuộc một phần Thửa đất 606, cùng Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M buộc bà K và các con của bà K và ông T có nghĩa vụ giao trả cho ông M và bà L phần đất có diện tích 1.038,1m² thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ); chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà K về công nhận di chúc của cụ Lê Thị P3 lập ngày 29-5-2015, đối với phần đất có diện tích 5.917,6m² thuộc một phần Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ); không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà K về việc xác định phần đất có diện tích 1.038,1m² thuộc Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là di sản của cụ Lê Thị P3 để lại theo di chúc lập ngày 29-5-2015. Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản; bị đơn phản tố yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và chia thừa kế theo di chúc. Căn cứ vào các khoản 5, 6 và 9 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt như đã công bố. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đã công bố.

[2] Xét phạm vi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hồ Thị L trình bày nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 396m², thuộc Thửa đất 605, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); bị đơn bà Trần Thị K thay đổi một phần yêu cầu phản tố là yêu cầu xác định phần đất có diện tích 1.038,1m² là di sản của cụ Lê Thị P3 để lại tại Thửa đất 606 để lại theo di chúc lập ngày 29-5-2015; Công nhận cho bà K được hưởng thừa kế đối với toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích 1.038,1m² và phần đất bà K đang quản lý sử dụng theo đo đạc thực tế có diện tích là 5.917,6m² tại Thửa đất 606 do cụ Lê Thị P3 để lại theo di chúc lập ngày 29-5-2015; đồng thời, tự nguyện rút lại phần yêu cầu công nhận di chúc đối với phần đất có diện tích

1.645,7m² thuộc Thửa đất 577 và phần đất có diện tích 2.182,4m², thuộc Thửa đất 606 hiện do bà T7, bà T6 và ông H1 đang quản lý sử dụng do không có tranh chấp. Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện; bị đơn thay đổi một phần yêu cầu phản tố và rút một phần yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện và việc bị đơn thay đổi nội dung phản tố không vượt quá phạm vi ban đầu. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với nội dung yêu cầu mà các đương sự đã rút tại phiên tòa.

[3] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất nguồn gốc Thửa đất 606 là đất gốc của cụ Lê Thị T8, đối với Thửa đất 882 là một phần được tách ra từ Thửa đất 606 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 2008 giữa cụ Lê Thị P3 và ông Trần Văn M; đồng thời các bên cũng thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ các phần đất tranh chấp là do các bên tự chỉ ranh xác định phần đất tranh chấp tại Thửa đất 606, có diện tích 5.890,1m² và tại Thửa đất 882, có diện tích 1.038.1m², cùng Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P thành phố Cần Thơ); các phần đất này có đơn giá đất ở 450.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm có giá 60.000 đồng/m², trong đó: phần đất ở 200m² x 450.000 đồng/m² = 90.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 6.755,7m² x 60.000 đồng/m² = 405.342.000 đồng. Đối với các công trình trên đất gồm nhà cửa, cây trồng trên phần đất tranh chấp tại Thửa đất 606 các đương sự thống nhất không định giá vì không có tranh chấp; đối với cây trồng trên phần đất tranh chấp tại Thửa đất 882 các đương sự không yêu cầu xem xét nếu xác định đất của ai thì cây trồng thuộc về người đó hoặc các bên có nghĩa vụ giao trả đất sẽ chặt đốn cây trồng do mình trồng trên phần đất phải trả lại. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn cho rằng trong thời gian nguyên đơn đi làm không có ở địa phương, bà K đã tự ý nhổ bỏ cây trồng để bao chiếm phần đất của nguyên đơn. Ngược lại, bị đơn cho rằng vào năm 2008 cụ Lê Thị P3 (T8) có cho ông M phần đất nền từ mí đường nước, nhưng trong quá trình làm thủ tục ông M lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.260m² là lấn qua phần đất của cụ P3 để lại cho bà sử dụng. Xét thấy, T9 đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P thành phố Cần Thơ) được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-9-2008 với diện tích 2.260m², nguồn gốc thể hiện là: “Nhận quyền sử dụng đất do Lê Thị P3 cho tặng”. Mặt khác, theo trích lục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đối với Thửa đất 882 do nguyên đơn cung cấp thể hiện có “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” ngày 01/6/2008, bên tặng cho gồm bà Lê Thị P3 và con là Trần Thị K đã tặng cho ông Trần Văn M và bà Lê Thị L4 phần đất có diện tích 2.260m², đồng thời, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cũng được Ủy ban nhân dân xã C đã thỏa mãn các điều kiện về tặng cho quyền sử dụng đất. Sau khi được tặng cho đất, ông M làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-9-2008 theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, bà K cho rằng cụ P3 chỉ cho ông M phần đất 1.000m² tính từ mé ruộng nước nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc cụ P3 cho ông M phần đất diện tích 1.000m². Ngược lại, tại thời điểm ông M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, cơ quan chuyên môn đã tiến hành đo đạc xác định vị trí thửa đất và kể từ thời điểm ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp bà K và bà P3 là người trực tiếp quản lý và cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) của cụ P3 có thể hiện phần điều chỉnh biến động tại trang 4 về việc cụ P3 tặng cho ông M phần đất diện tích 2.260m² tại Thửa đất 882, nhưng không có ý kiến khiếu nại kết quả điều chỉnh biến động của cơ quan có thẩm quyền về diện tích đất bà P3 tặng cho ông M. Do đó bà K cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M lấn qua đất của cụ P3 để lại cho bà là không có cơ sở.

[6] Xét về quá trình sử dụng đất: nguyên đơn cho rằng tại thời điểm bà P3 cho đất trên đất chỉ có cây tạp là trăm bầu và một số cây trồng khác, sau đó nguyên đơn có trồng tràm, dừa và chuối nhưng đã bị bên phía bị đơn nhổ bỏ, còn bị đơn cho rằng nguyên đơn không có sử dụng phần đất tranh chấp từ trước đến nay, cây trồng là do phía bị đơn trồng và quản lý. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 18-10-2023, bà K cho rằng nhờ cây trồng của nguyên đơn là do phía nguyên đơn trồng lấn qua đất, điều này thể hiện nguyên đơn đã có sử dụng đất và việc phía bị đơn cho rằng nguyên đơn không sử dụng đất là không có cơ sở. Đối chiếu kết quả thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp có diện tích 1.038,1m² thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02 do nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp, quá trình sử dụng phần đất này đã bị bà K bao lấn chiếm. Do vậy, nguyên đơn ông Trần Văn M yêu cầu bà Trần Thị K và các con giao trả phần đất bao chiếm diện tích đo đạc thực tế là 1.038,1m² thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu phản tố của bà Trần Thị K về việc xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.038,1m² thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là di sản của cụ Lê Thị P3 để lại cùng Thửa đất 606 theo di chúc lập ngày 29-5-2015, như đã nhận định tại các Đoạn [4], [5] và [6] nêu trên thì phần đất tranh chấp có diện tích 1.038,1m² đã được cụ P3 tặng cho ông M và bà L4 trước thời điểm cụ P3 lập di chúc ngày 29-5-2015; việc tặng cho quyền sử dụng đất bảo đảm các điều kiện và đã có hiệu lực pháp luật nên phần đất tranh chấp này đã thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn không còn là di sản của cụ T8. Do vậy, yêu cầu phản tố của bị đơn về xác định phần đất có diện tích 1.038,1m² thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là di sản của cụ Lê Thị P3 để lại và công

nhận cho bà K được hưởng thừa kế phần đất này theo di chúc lập ngày 29-5-2025 là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với phần tố của bà K về việc yêu cầu công nhận cho bà K được hưởng thừa kế đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực 5.917,6m² thuộc một phần Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) theo di chúc của cụ Lê Thị P3 (T8) lập ngày 29-5-20215: Xét thấy, theo nội dung Di chúc lập ngày 29-5-2015 của cụ Lê Thị P3 (T8) đã thể hiện ý chí định đoạt tài sản gồm các Thửa đất 606, 577, 579 và 535 có tổng diện tích là 42.940m², chia cho chị Huỳnh Thị O, chị Huỳnh Thị Đ, chị Huỳnh Thị T1 và chị Huỳnh Thị Bé L1 mỗi người một phần đất diện tích 2.950m²; phần đất còn lại bao gồm đất thổ cư và nhà ở để lại cho con gái là bà Trần Thị K hiện đang sống chung với cụ; về hình thức Di chúc được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực tại thời điểm lập di chúc cụ Lê Thị P3 (T8) minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi, tự nguyện lập di chúc và điểm chỉ vào di chúc. Như vậy, nội dung và hình thức di chúc bảo đảm không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định pháp luật.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị P, ông Lê Văn Đ1, bà Lê Thị L2, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị M1, bà Trần Thị T2, bà Huỳnh Ngọc N2, ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị L3, ông Trần Văn M2, bà Trần Thị N3, ông Trần Văn V1, bà Trần Thị P1, ông Trần Văn T3, bà Trần Thị T4, ông Trần Văn H, ông Lê Văn T5, bà Lê Thị M3, bà Lê Thị M4 và ông Lê Vũ P2 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị của cụ Lê Thị P3 (T8) đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu phản của bà K, nhưng những người này đều không có văn bản nêu ý kiến, trừ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị T2 và ông Trần Văn M2 có ý kiến thống nhất công nhận Di chúc lập ngày 29-05-2015 của cụ Lê Thị P3 (T8) là đúng và có hiệu lực pháp luật, đồng thời, thống nhất công nhận cho bà K được hưởng thừa kế đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 5.917,6m² thuộc một phần Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Đối với nguyên đơn ông Trần Văn M cũng đã có văn bản ủy quyền cho bà Hồ Thị L được toàn quyền quyết định các vấn đề trong quá trình giải quyết vụ án và bà L cũng đã thể hiện ý kiến thống nhất công nhận cho bà K được hưởng thừa kế đối với phần đất thuộc Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) tại Biên bản hòa giải ngày 05-9-2025. Do đó, bị đơn bà K phản tố yêu cầu công nhận cho bà được hưởng phần đất có diện tích 5.917,6m² thuộc một phần Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận và bà K là người được hưởng di sản thừa kế. Căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà K phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại

chỗ và định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án tổng số tiền là 47.213.156 đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà K đã nộp tạm ứng số tiền 29.780.277 đồng; ông M đã nộp tạm ứng số tiền 17.432.879 đồng. Do vậy, bà K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M số tiền chi phí tố tụng 17.432.879 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng).

[11] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của ông M được chấp nhận và bà K là người được hưởng di sản thừa kế nên bà K phải chịu án phí sơ thẩm, nhưng bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà K được miễn án phí sơ thẩm.

[12] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở như đã nhận định tại các Đoạn [4], [5] và [6] nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với nội dung phản tố của bị đơn thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn bà K yêu cầu công nhận di chúc của cụ P3 tại Thửa đất 606 là không liên quan đến phần đất của nguyên đơn khởi kiện, đồng thời, ông M chưa được thông báo về việc thụ yêu cầu phản tố của bị đơn. Xét thấy, theo đơn phản tố bà K cho rằng ông M được cấp quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 1.038,1m² tại Thửa đất 882 là vượt quá diện tích của cụ Lê Thị P3 tặng cho nên yêu cầu ông M và bà L có nghĩa vụ trả lại phần đất này để công nhận cho bà K được hưởng theo di chúc của cụ Lê Thị P3 lập ngày 29-5-2015, như vậy nội dung phản tố của bà K đã thỏa mãn điều kiện có nghĩa vụ bù trừ và có liên quan với nội dung khởi kiện của nguyên đơn cần được giải quyết dứt điểm trong cùng vụ án nên Tòa án thụ lý giải quyết trong cùng vụ án là bảo đảm theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Đối với việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trong vụ án này, ông M chưa được thông báo về việc thụ yêu cầu phản tố thì nhận thấy: Khi nộp đơn yêu cầu phản tố, bà K đã cung cấp Tờ khai quan hệ thừa kế của cụ Lê Thị P3 và cụ Trần Văn S1 có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền để xác định hàng thừa kế theo pháp luật; khi Tòa án thụ lý đơn phản tố của bà K, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố của bà K và đã tổng đạt cho ông M thông qua người đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị L, đồng thời cũng tổng đạt cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế của cụ P3 và cụ S1; mặt khác, theo Văn bản ủy quyền cũng thể hiện rõ phạm vi ủy quyền là bà Hồ Thị L được quyền thay mặt cho ông Trần Văn M quyết định toàn bộ các vấn đề trong quá trình giải quyết vụ án án nên trong quá trình hòa giải, bà L đại diện cho ông M trình bày ý kiến ông M thống nhất yêu cầu phản tố của bà K đối với phần đất tại Thửa đất 606; tại phiên tòa, bà L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà L không đại diện cho ông M đối với việc giải quyết nội dung phản tố của bà K1 là chưa có cơ sở. Do vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng yêu cầu phản tố của bị đơn không liên quan nội dung khởi kiện và ông M chưa được

thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố của bà K là không có căn cứ chấp nhận.

[14] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu phản tố của ông M và bà K đã rút tại phiên tòa; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc buộc bà K và các con trả lại phần đất 1.038,1m² tại Thửa đất 882; không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về xác định phần đất tranh chấp 1.038,1m² tại thửa đất 882 là di sản thừa kế của cụ T8; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà K về công nhận cho bà K được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 5.917,6m² tại Thửa đất 606 theo Di chúc của cụ Lê Thị P3 lập ngày 29-5-2015 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5, 6, 9 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 157, Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 và Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ vào các Điều 166, 609, 611, 612, 624, 625, 626, 628, 635 và 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc buộc bà Trần Thị K và ông Huỳnh Văn T trả lại phần đất có diện tích 396m², thuộc Thửa đất 605, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) và bồi thường thiệt hại về tài sản 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị K về công nhận di chúc đối với phần đất có diện tích 1.645,7m² thuộc Thửa đất 577 và phần đất có diện tích 2.182,4m², thuộc một phần Thửa đất 606, cùng Tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc đòi lại quyền sử dụng đất.

Buộc bà Trần Thị K, chị Huỳnh Thị O, chị Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị T1 và chị Huỳnh Thị Bé L1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn M và bà Hồ Thị L phần đất theo đo thực tế có diện tích 1.038,1m² (có 67,9m² nằm trong hành lang kênh), thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị K về việc công

nhận di chúc và được hưởng thừa kế theo di chúc.

- Công nhận Di chúc của cụ Lê Thị P3 (T8) lập ngày 29-5-2015 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng chứng thực đối với phần đất có diện tích 5.917,6m² (trong đó: Đất ở 200m²; Đất LNK 5.717,6m² và có 469,7m² nằm trong hành lang lộ giới), thuộc một phần Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là hợp pháp.

- Bà Trần Thị K được hưởng thừa kế theo di chúc đối với phần đất có diện tích 5.917,6m² (trong đó: Đất ở 200m²; Đất LNK 5.717,6m² và có 469,7m² nằm trong hành lang lộ giới), thuộc một phần Thửa đất 606, Tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ).

- Bà Trần Thị K có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với phần tài sản được hưởng thừa kế.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị K về việc xác định phần đất có diện tích 1.038,1m² (có 67,9m² nằm trong hành lang kênh), thuộc một phần Thửa đất 882, Tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) là di sản của cụ Lê Thị P3 để lại cho bà Trần Thị K theo di chúc lập ngày 29-5-2015.

(Các phần đất nêu trên có sơ đồ bản vẽ hiện trạng đính kèm)

6. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị K phải hoàn trả cho ông Trần Văn M số tiền chi phí tố tụng là 17.432.879 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Văn M có yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị K không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu khoản lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Trần Văn M số tiền tạm ứng án phí 1.357.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003814 ngày 19-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Trần Thị K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa P3 thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Minh Luân**